

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN**

Họ và tên: ..... Ngày sinh: ..... MSV:.....

Lớp: ..... Khoa: ..... Hệ: ..... Học kỳ: ..... Năm học:.....

<b>NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ</b>	<b>MINH CHỨNG VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ</b>
<b>I - Đánh giá về ý thức và kết quả học tập (tối đa 20 điểm).</b>	
<i>1. Kết quả học tập:</i>	
a. Điểm trung bình chung học kì từ 3,60 đến 4,00 : 14đ	Căn cứ vào bảng điểm do phòng Đào tạo cung cấp.
b. Điểm trung bình chung học kì từ 3,20 đến 3,59 : 12đ	
c. Điểm trung bình chung học kì từ 2,50 đến 3,19 : 10đ	
d. Điểm trung bình chung học kì từ 2,00 đến 2,49 : 02đ	
đ. Điểm trung bình chung học kì dưới 2,00 : 00đ	
<i>2. Tinh thần vượt khó trong học tập: ĐTBCHK trước: ĐTBCHK được đánh giá:</i>	
a. Kết quả học tập tăng một bậc so với học kỳ trước, ĐTBCHK từ 2,00 trở lên : 03đ	Căn cứ so sánh đối chiếu kết quả học tập của học kỳ trước và học kỳ được đánh giá với thang điểm mục I.1.
b. Kết quả học tập tăng hai bậc so với học kỳ trước, ĐTBCHK từ 2,00 trở lên : 06đ	
c. Sinh viên năm thứ I, nếu có kết quả học tập HK I từ 2,00 trở lên : 03đ	
<i>3. Tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH):</i>	
a. Khóa luận tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên : 06đ	Căn Quyết định chấp nhận kết quả khóa luận tốt nghiệp của Nhà trường.
b. Đề tài NCKH cấp trường từ loại giỏi trở lên : 06đ	Căn Quyết định chấp nhận kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên của Nhà trường.
c. Đề tài NCKH cấp trường từ loại đạt trở lên : 05đ	

<i>4. Tham gia rèn luyện nghiệp vụ (RLNV):</i>		
a. Tham gia hội thi RLNV cấp khoa	: 02đ	Căn cứ danh sách sinh viên tham dự chính thức của Ban tổ chức.
b. Tham gia hội thi RLNV cấp trường	: 04đ	
c. Tham gia hội thi RLNV toàn quốc	: 04đ	
d. Tham gia đầy đủ các buổi hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề	: 02đ	- Căn cứ danh sách điểm danh của Ban tổ chức - Số điểm = 2 x (số buổi tham gia/số buổi tổ chức)
<i>5. Tham gia các câu lạc bộ học thuật</i>		
a. Ban chủ nhiệm câu lạc bộ cấp khoa	: 04đ	- Căn cứ Quyết định nhân sự của cấp tổ chức. - Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
b. Ban chủ nhiệm câu lạc bộ cấp trường	: 06đ	
c. Thành viên tham gia thường xuyên các câu lạc bộ học thuật	: 02đ	
		-Căn cứ kế hoạch hoạt động và danh sách các thành viên tham gia thường xuyên của các câu lạc bộ. - Số điểm = 2 x (số buổi tham gia/số buổi tổ chức)
<i>6. Thành viên đội tuyển dự thi Olympic các môn học:</i>		
a. Cấp khoa	: 04đ	Căn cứ danh sách sinh viên tham gia chính thức của Ban tổ chức.
b. Cấp trường	: 06đ	
c. Cấp toàn quốc	: 10đ	
<b>Cộng:</b>		
<b>II - Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành quy chế, nội quy, quy định trong nhà trường (tối đa 25 điểm).</b>		
1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường	: 15đ	Nếu không có biên bản xử lý vi phạm
2. Tham gia đầy đủ các buổi họp của trường, khoa, CVHT, lớp tổ chức	: 10đ	- Căn cứ kế hoạch triệu tập của các cấp tổ chức - Số điểm = 10 x (tổng số buổi tham gia/tổng số buổi tổ chức)
3. Một lần vi phạm quy chế, quy định của trường (có biên bản xử lý)	: -10đ	Căn cứ biên bản xử lý vi phạm
4. Vắng 01 buổi họp do trường, khoa, CVHT, lớp tổ chức không lý do	: -05đ	Căn cứ danh sách điểm danh của Ban tổ chức
<b>Cộng:</b>		

<b>III - Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (tối đa 20 điểm).</b>		
<i>1. Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội do nhà trường quy định:</i>		
a. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị xã hội theo quy định : 10đ		Số điểm = 10 x (tổng số buổi tham gia/tổng số buổi tổ chức)
b. Vắng mặt 01 buổi không lý do : -05đ		Căn cứ danh sách điểm danh của Ban tổ chức.
<i>2. Tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, phòng chống TNXH... : 05đ</i>		Căn cứ giấy chứng nhận hoặc danh sách sinh viên tham gia của Ban tổ chức.
<i>3. Tham gia trong đội tuyển văn nghệ, TDTT :</i>		
a. Cấp khoa : 05đ		Căn cứ danh sách thành viên của cấp tổ chức.
b. Cấp trường : 10đ		
c. Cấp toàn quốc : 15đ		
<b>Cộng:</b>		
<b>IV – Đánh giá ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (tối đa 25 điểm).</b>		
1. Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước: : 10đ		Nếu không có biên bản xử lý vi phạm.
2. Được biểu dương người tốt, việc tốt ở nhà trường hoặc ở địa phương (có giấy chứng nhận) : 05đ		Căn cứ giấy chứng nhận của Ban tổ chức.
3. Tham gia các hoạt động tình nguyện trung hạn: MHX, Tiếp sức mùa thi : 10đ		Căn cứ giấy chứng nhận của Ban tổ chức.
4. Tham gia các công tác xã hội và các hoạt động tình nguyện ngắn ngày (có xác nhận của đơn vị tổ chức) : tối đa 10đ		Căn cứ giấy xác nhận của Ban tổ chức.
5. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có khó khăn, hoạn nạn : 05đ		Căn cứ giấy xác nhận của Ban tổ chức.
6. Tham gia hiến máu tình nguyện : 05đ		Căn cứ giấy chứng nhận của Ban tổ chức
7. Tham gia hội thao GDQP –AN cấp quận, cấp TP : 05đ		Căn cứ danh sách thành viên của Ban tổ chức.
8. Vi phạm ATGT, trật tự công cộng (có giấy báo gửi về trường) : -10đ		Căn cứ giấy báo vi phạm gửi về trường
<b>Cộng:</b>		

<b>V - Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể trong nhà trường (tối đa 10 điểm).</b>	
1. Lớp trưởng, BCH Đoàn trường, BCH Hội sinh viên trường : 10đ	Hoàn thành nhiệm vụ được giao và phải được trên ½ lớp biểu quyết thông qua
2. Lớp phó, BCH Đoàn khoa, BCH LCH SV; BCH CĐ, BCH chi hội lớp : 08đ	
3. Tổ trưởng, tổ phó : 03đ	
4. Đảng viên : 08đ	
5. Đối tượng Đảng : 05đ	
6. Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh : 03đ	
7. Được Đoàn thanh niên, Hội sinh viên biểu dương, khen thưởng	
a. Cấp khoa : 05đ	Căn cứ Quyết định khen thưởng hoặc giấy chứng nhận khen thưởng
b. Cấp trường, cấp thành phố : 10đ	
<b>Cộng:</b>	
*Tham gia các hoạt động đặc biệt do nhà trường huy động : tối đa 15đ	Căn cứ Quyết định hoặc thông báo của Nhà trường
*Đạt giải thưởng trong các kì thi cấp tỉnh, thành trở lên : tối đa 15đ	Căn cứ Quyết định khen thưởng hoặc giấy chứng nhận khen thưởng
<b>ĐIỂM TỔNG CỘNG (tối đa không quá 100 điểm):</b>	

**Ghi chú:** - Sinh viên tham gia cổ vũ hoạt động nào thì được hưởng tối đa 40% tổng số điểm của hoạt động đó.